SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỐNG ĐA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 822 /QĐ-BVĐĐ

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc bổ sung (lần 2) năm 2026 - 2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỐNG ĐA

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Đấu thầu số 74/VBHN-VPQH ngày 25/03/2026 của văn phòng Quốc Hội;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 36/2026/VBHN-NĐ-BTC ngày 23/9/2026 của Bộ Tài chính: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-BVĐĐ ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc bệnh viện đa khoa Đống Đa về việc Phê duyệt chủ trương, đầu tư mua sắm các thuốc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc bổ sung (lần 2) năm 2026-2027;

Căn cứ Tờ trình của Hội đồng Thuốc và Điều trị ngày 02/11/2026 về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc bổ sung (lần 2) năm 2026-2027;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 03/11/2026 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc bổ sung (lần 2) năm 2026-2027;

Theo đề nghị của Hội đồng Thuốc và Điều trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc bổ sung (lần 2) năm 2026 - 2027, với các nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ Chuyên gia, Tổ thẩm định, Hội đồng Thuốc và Điều trị, Khoa Dược, Phòng Tài chính kế toán và khoa, phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT, K.Dược(04).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỐNG ĐA

Nguyễn Đình Phúc

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP THUỐC BỔ SUNG (LẦN 2) NĂM 2026 – 2027

(Kèm theo Quyết định số 922 /QĐ-BVĐĐ ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Đống Đa)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (Đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Gói số 08: Cung cấp Cồn 70° phục vụ công tác KCB	Tổng số danh mục thuốc gồm 01 mặt hàng, trong đó: - Thuốc nhóm 4 01 mặt hàng trị giá 53.000.000 đồng.	53.000.000	Nguồn thu tại đơn vị	Chào giá trực tuyến rút gọn		30 ngày	Quý IV, 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	60 ngày	Không áp dụng
2	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Gói số 09: Gói thầu thuốc Generic	Tổng số danh mục thuốc gồm 43 mặt hàng, trong đó: - Thuốc nhóm 1: 15 mặt hàng trị giá 1.279.248.100 đồng. - Thuốc nhóm 2: 03 mặt hàng trị giá 569.198.200 đồng. - Thuốc nhóm 3: 01 mặt hàng trị giá 375.000.000 đồng.	3.835.328.300	Nguồn thu tại đơn vị	Đấu thầu rộng rãi; trong nước, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	90 ngày	Quý IV, 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	365 ngày	30%

			- Thuốc nhóm 4: 22 mặt hàng trị giá 1.576.282.000 đồng. - Thuốc nhóm 5: 02 mặt hàng trị giá 35.600.000 đồng.									
Tổng giá gói thầu ***[kết chuyển sang Bảng số 3]***				**3.888.328.300**								

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC THUỐC PHÊ DUYỆT KHLCNT
Gói số 08: "Cung cấp Cồn 70° phục vụ công tác KCB"

(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-BVĐĐ ngày 04 /11/2026 của Giám đốc bệnh viện)

STT	STT TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá KH (VNĐ)	Thành tiền KH (VNĐ)
1	661	Cồn 70°	70% tt/tt/500ml	Nhóm 4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	2.000	26.500	53.000.000
		Tổng cộng: 01 khoản								**53.000.000**

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC THUỐC PHÊ DUYỆT KHLCNT

Gói số 09: "Cung cấp thuốc Generic"

(Kèm theo Quyết định số 822 /QĐ-BVĐĐ ngày 04/11/2026 của Giám đốc bệnh viện)

STT	STT TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá KH (VNĐ)	Thành tiền KH (VNĐ)
1	13	Lidocain hydroclorid + epinephrin (adrenalin)	(36mg + 0,018mg) /1,8ml	Nhóm 1	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5.000	15.484	77.420.000
2	14	Lidocain + Prilocain	(125mg + 125mg)/ 5g	Nhóm 4	Bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1.000	36.500	36.500.000
3	22	Ropivacain HCL	5mg/ml	Nhóm 4	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	100	90.000	9.000.000
4	23	Sevofluran	100%/250ml	Nhóm 1	Đường hô hấp	Thuốc gây mê đường hô hấp	chai	100	1.548.750	154.875.000
5	31	Suxamethonium clorid	100mg	Nhóm 1	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	500	75.000	37.500.000
6	71	Pethidin hydroclorid	100mg/2ml	Nhóm 1	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	300	33.000	9.900.000
7	103	Diphenhydramin	10mg/1ml	Nhóm 4	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	3.500	893	3.125.500
8	141	Sorbitol	3%/5l	Nhóm 4	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa vô khuẩn	Can	200	140.000	28.000.000
9	153	Phenobarbital	10 mg	Nhóm 4	Uống	Viên	Viên	400	210	84.000

STT	STT TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá KH (VNĐ)	Thành tiền KH (VNĐ)
10	172	Ampicilin + sulbactam	1g + 0,5g	Nhóm 2	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm	Lọ	2.000	40.000	80.000.000
11	190	Cefpirom	1g	Nhóm 2	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	900	130.998	117.898.200
12	231	Spiramycin + metronidazol	750.000 IU+ 125mg	Nhóm 1	Uống	Viên	Viên	30.000	9.030	270.900.000
13	239	Ofloxacin	0,3%,6ml	Nhóm 4	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	3000	9.500	28.500.000
14	270	Lamivudin+ Zidovudine	150mg+ 300mg	Nhóm 5	Uống	Viên	Viên	8.500	3.500	29.750.000
15	272	Efavirenz+ Tenofovir Disoproxil Fumarate+ Lamivudine	400mg+ 300mg+ 300mg	Nhóm 5	Uống	Viên	viên	1.300	4.500	5.850.000
16	484	Erythropoietin	2000 IU/ 1ml	Nhóm 4	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	3.000	127.000	381.000.000
17	559	Acetylsalicylic acid	100mg	Nhóm 4	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	300.000	450	135.000.000
18	599	Adapalen	0,1%/30g	Nhóm 1	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	300	153.002	45.900.600
19	614	Cồn Boric	300mg/10ml	Nhóm 4	Dùng ngoài	Thuốc nhỏ tai	Chai/ lọ	120	6.300	756.000
20	626	Isotretinoin	10mg	Nhóm 4	Uống	Viên nang	Viên	21.000	2.520	52.920.000

STT	STT TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá KH (VNĐ)	Thành tiền KH (VNĐ)
21	633	Oxy già	3% 500ml	Nhóm 4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	100	9.500	950.000
22	661	Cồn 70°	70% tt/tt/500ml	Nhóm 4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	12.000	26.500	318.000.000
23	666	Natri clorid	0,9%/500ml	Nhóm 4	Dùng ngoài	Dung dịch rửa vô khuẩn	Chai	20	7.100	142.000
24	679	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	800,4mg + 612mg + 80mg	Nhóm 2	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	94.000	3.950	371.300.000
25	693	Metoclopramid	10mg	Nhóm 4	Uống	Viên	Viên	2.000	500	1.000.000
26	699	Drotaverine hydrochloride	80 mg	Nhóm 1	Uống	Viên	Viên	8.500	1.274	10.829.000
27	699	Drotaverine hydrochloride	40mg/2 ml	Nhóm 1	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	4.000	5.571	22.284.000
28	756	Prednisolon acetat (natri phosphate)	1% w/v (10mg/ml), 5ml	Nhóm 1	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai	300	55.000	16.500.000
29	798	Sitagliptin + metformin	50mg + 500mg	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	7.500	375.000.000
30	823	Tolperison hydrochlorid	150mg	Nhóm 1	Uống	Viên	Viên	2.000	3.400	6.800.000
31	860	Pilocarpin hydroclorid	2%/5ml	Nhóm 4	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Ống	30	45.000	1.350.000

STT	STT TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá KH (VNĐ)	Thành tiền KH (VNĐ)
32	865	Tetracain hydroclorid	50mg/10ml	Nhóm 4	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai	300	15.015	4.504.500
33	882	Tyrothricin + Benzalkonium clorid + Benzocain	0,5mg + 1mg + 1,5mg	Nhóm 1	Ngậm họng	Viên	Viên	100.000	2.880	288.000.000
34	900	Diazepam	10mg/2ml	Nhóm 4	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	500	8.000	4.000.000
35	920	Olanzapin	10mg	Nhóm 1	Uống	Viên	Viên	1.000	5.200	5.200.000
36	944	Cytidin-5-disodium monophosphat + uridin	5mg + 1,33mg	Nhóm 4	Uống	Viên nang	Viên	100.000	4.000	400.000.000
37	951	Aminophylin	240mg	Nhóm 4	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	10.000	10.500	105.000.000
38	960	Montelukast	4mg	Nhóm 1	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	5.000	11.950	59.750.000
39	962	Salbutamol	100mcg/liều xịt	Nhóm 1	Xịt theo đường miệng	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình xịt	500	76.379	38.189.500
40	973	Codein + terpin hydrat	15mg + 100mg	Nhóm 4	Uống	Viên	viên	10.000	945	9.450.000
41	983	Kali clorid	500mg	Nhóm 4	Uống	Viên	Viên	30.000	800	24.000.000
42	985	Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat + Glucose khan	0,7g + 0,3g + 0,58g + 4g	Nhóm 4	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	20.000	1.650	33.000.000

STT	STT TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá KH (VNĐ)	Thành tiền KH (VNĐ)
43	987	Acid amin	7%, 250 ml	Nhóm 1	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Thuốc tiêm truyền	Chai	2.100	112.000	235.200.000
		Tổng cộng: 43 khoản								**3.835.328.300**